

[illegible]

SỐ: 60/2019/QĐST-HNGĐ

P, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 51/ 2019/ HNGĐ ngày 13/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phí Đình P1 - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 1, xã C, huyện S, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Đỗ Việt T1 - sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu B, TT C1, huyện N, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhân sự thuận tình lý hôn giữa:

Anh Phí Đình P1 và chi Đỗ Việt T1.

2. Công nhân sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Hai bên thỏa thuận giao cháu Phí Bình M sinh ngày 29/11/2015 cho chị Đỗ Việt T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Phí Đình P1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 1.500.000đồng/1 tháng/ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu M thành niên.

Hai bên đều có quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

- **Về án phí:** Anh Phí Đình P1 tự nguyện chịu cả 150.000đồng án phí HNGĐ sơ thẩm. Và 150.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002222 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Anh P1 đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện;
- UBND TT C1;
- Lưu: HS - VP(8).

THẨM PHÁN

Phan Thị Thanh